TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1311/2025/DS-ST
Ngày: 25-9-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé.

2. Bà Lê Thị Phương Hồ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hồ Quyết Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Võ Ngọc Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 336/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 278/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ; Trụ sở: Lầu 8 số B N, Phường H, Quận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1977; địa chỉ: Số A, Khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Ngọc Quốc B, sinh năm 2002; địa chỉ: Tổ A, ấp X, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2025, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có ông Nguyễn Mạnh C đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 26/11/2020, Ông Phạm Ngọc Quốc B có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng S1) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín

dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông B, Ngân hàng S1 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 98.919.025 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông B vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 25/9/2025 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 25/9/2025, ông B còn nợ các khoản sau:

- Dư nợ gốc: **33.520.833** đồng.
- Lãi quá hạn: **28.319.402** đồng.
- Tổng cộng: **61.840.235** đồng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án tuyên buộc ông Phạm Ngọc Quốc B phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2025 là **61.840.235** (Sáu mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi ngàn hai trăm ba mươi lăm) đồng.

Và ông Phạm Ngọc Quốc B có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinhn từ ngày 26/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn ông Phạm Ngọc Quốc B nhiều lần nhưng vẫn mặt không rõ ký do.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Mạnh C có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải, nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được. Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

** Tại phiên toà, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Mạnh C có đơn xin vắng mặt và bị đơn ông Phạm Ngọc Quốc B vắng mặt nên không có ý kiến.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và về việc chấp hành pháp luật:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

- Về án phí: Bị đơn ông Phạm Ngọc Quốc B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết :

Căn cứ đơn khởi kiện nộp ngày 19/02/2025, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là Tranh chấp Hợp đồng tín dụng được khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

Theo kết quả xác minh của Công an xã C, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời : *Ông Phạm Ngọc Quốc B có đăng ký thường trú tại địa phương, bỏ đi từ tháng 12/2023, không rõ đi đâu làm gì*. Như vậy, địa chỉ Tổ A, ấp X, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của ông Phạm Ngọc Quốc B nên theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và hướng dẫn tại Điều 5 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên toà: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Mạnh C có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Ngọc Quốc B đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 26/11/2020, lời khai của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định bị đơn có sử dụng thẻ tín dụng để thực hiện các giao dịch và đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 98.919.025 đồng, sau đó không tiếp tục thanh toán. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 25/9/2025, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là **61.840.235** (Sáu mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi ngàn hai trăm ba mươi lăm) đồng. Bao gồm nợ gốc: 33.520.833 đồng, nợ lãi quá hạn: 28.319.402 đồng.

Việc nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 61.840.235 (Sáu mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi ngàn hai trăm ba mươi lăm) đồng. Bao gồm nợ gốc: 33.520.833 đồng, nợ lãi quá hạn: 28.319.402 đồng và tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 26/9/2025 cho đến khi bị đơn thanh toán dứt nợ vay theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 26/11/2020 là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Phạm Ngọc Quốc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh như nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 4 Điều 207 ; Khoản 1, Khoản 2 Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 8; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

1.1. Buộc ông Phạm Ngọc Quốc B có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ: 61.840.235 (Sáu mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi ngàn hai trăm ba mươi lăm) đồng. Bao gồm nợ gốc: 33.520.833 đồng, nợ lãi quá hạn: 28.319.402 đồng.

Ông Phạm Ngọc Quốc B còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 26/11/2020 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Ngọc Quốc B phải chịu 3.092.011 (Ba triệu không trăm chín mươi hai ngàn không trăm mười một) đồng.

H lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 1.196.144 (Một triệu một trăm chín mươi sáu ngàn một trăm bốn mươi bốn đồng) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0063917 ngày 17/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

2. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành

án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV8 – TP.HCM;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Long Sơn